

Phụ lục 2
I. ĐỐI CHIẾU CÁC BỘ LUẬT (LUẬT TỬ PHẦN)
A. TỬ PHẦN – NGŨ PHẦN – PĀLI

TỬ PHẦN		NGŨ PHẦN		PĀLI	
Phần	Pháp (Kiên độ)	Phần	Pháp (Kiên độ)	Vagga	Khandhaka
I	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tứ Ba-la-di 2. Thập tam tăng tàn 3. Nhị bất định 4. Tam thập xả đọa 5. Cửu thập đốn đề 6. Tứ đề xá ni 7. Thức xoa ca la ni 	I	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ba-la-di pháp 2. Tăng tàn pháp 3. Bất định pháp 4. Xả đọa pháp 5. Đọa pháp 6. Hồi quá 7. Chứng học pháp 8. Thất diệt tránh pháp 	Sutta-vibhaṅga	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pārājika 2. Saṅghādisesa 3. Aniyata 4. Nissaggiya 5. Pācittiya 6. Pāṭidesaniya 7. Sekhiyā dhammā 8. Satta adhikaraṇa-samathā dhammā
II	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ba-la-di pháp 2. Tăng tàn pháp 3. Xả đọa pháp 4. Đốn đề pháp <ol style="list-style-type: none"> 5. Thọ giới kiên độ 6. Thuyết giới kiên độ 	II	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ni luật Ba-la-di pháp 2. Ni luật tăng tàn pháp 3. Ni luật xả đọa pháp 4. Ni luật đọa pháp 5. Ni luật hồi quá pháp 6. Ni luật chứng học 	Bhikkhuni-vibhaṅga	<ol style="list-style-type: none"> 1. Pārājika 2. Saṅghādisesa 3. Nissaggiya 4. Pācittiya 5. Pāṭidesaniya 6. Sekhyā dhammā 7. Satta adhikaraṇa-samathā dhammā
		III	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thọ giới pháp 2. Bố tát pháp 		<ol style="list-style-type: none"> 1. Mahākkhandhaka

	<p>bách</p> <p>4. Thất bách tập pháp Tỳ-ni</p> <p>5. Điều bộ</p> <p>6. Tỳ-ni tăng nhất</p>		<p>10. Thất bách tập pháp</p> <p>7. Điều phục pháp</p>		<p>11. Pañcasatika</p> <p>12. Sattasatika</p>
--	--	--	--	--	---

B. PHẠN BẢN - THẬP TỤNG - TỨ PHẦN

Mūlasarvāstivāda	Thập tụng	Tụng	Tứ phần	Phần
Bhaiṣaṃyavastu	6. Y dược Pháp	IV	4. Dược kiện độ	III
Cīvaravastu	7. Y Pháp	IV	3. Y kiện độ	III
Kaṭṭhinavastu	1. Ca-thi-na-y	V	5. Ca-thi-na kiện độ	III
Ko'sambakavastu	2. Câu-xá-di pháp	V	6. Câu-thiêm-di kiện độ	III
Karmavastu	3. Chiêm-ba pháp	V	7. Chiêm-ba kiện độ	III
Pāṇḍulohitavastu	4. Bàn-trà Lộ-già pháp	V	8. Ha trách kiện độ	III
Pudgalavastu	5. Tăng tàn hồi pháp	V	9. Nhân kiện độ	III
Pārivāsikavastu	5. Tăng tàn hồi pháp	V	10. Phú tạng kiện độ	III
Poṣadhasthāpanavastu	6. Già pháp	V	11. Già kiện độ	III
'Sayanāsanavastu	7. Ngọa cụ pháp	V	1. Phòng xá kiện độ	IV
Pravrajyāvastu	1. Thọ cụ túc giới pháp	IV	5. Thọ giới kiện độ	II
Poṣadhavastu	2. Bỏ tát pháp	IV	6. Thuyết giới kiện độ	II
Pravāraṇāvastu	3. Tụ tứ pháp	IV	8. Tụ tứ kiện độ	II
Varṣavastu	4. An cư pháp	IV	7. An cư kiện độ	II & III
Carmavastu	5. Bì cách pháp	IV	2. Bì cách pháp	III
Saṅghabhedavastu	8. Tránh sự pháp	V	12. Phá tạng kiện độ	III

II. ĐỐI CHIẾU NỘI DUNG CÁC BỘ

A. ĐỐI CHIẾU THIÊN TỤ

1. THIÊN TỤ TỶ-KHEO

I. Ba-la-di, II. Tăng-già-bà-thi-sa, III. Bất định, IV. Ni-tát-kì, V. Ba-dật-đê, VI. Ba-la-đề-đề-xá-ni, VII. Chúng học pháp, VIII. Diệt tránh.

	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	Tổng	
Tứ phần	4	13	2	30	90	4	100	7	250	
Ngũ phần	4	13	2	30	91	4	100	7	251	
Tăng kỳ	4	13	2	30	92	4	66	7	218	
Thập tụng	A*	4	13	2	30	90	4	107	7	257
	B**	4	13	2	30	90	4	113	7	263
Căn bản	4	13	2	30	90	4	99	7	249	
Giải thoát	4	13	2	30	90	4	96	7	246	
Tì-nại-da	4	13	2	30	90	4	113	7	263	
Ưu-ba-li vấn	4	13		30	92	4	72		215	
Pāli	4	13	2	30	92	4	75	7	227	
Sarvāstivāda	4	13	2	30	90	4	113	7	263	
Mūlasarvāstivāda	4	13	2	30	90	4	108	7	258	
So sor thar pa	4	13	2	30	90	4	108	7	258	

* Thập tụng Quảng luật

** Thập tụng giới bản

2. THIÊN TỰ TỶ-KHEO-NI

I. Ba-la-di, II. Tăng-già-bà-thi-sa, III. Ni-tát-kì, IV. Ba-dật-đề, V. Ba-la-đề-đề-xá-ni,
VI. Chúng học pháp, VII. Diệt tránh.

	I	II	III	IV	V	VI	VII	Tổng
Tứ phần	8	17	30	178	8	100	7	348
Ngũ phần	8	17	30	210*	8	100	7	373**
Tăng kỳ	8	19	30	141	8	77	7	290
Thập tụng	8	17	30	178	8	106	7	354
Căn bản	8	20	30	180	11	99	7	257
Pāli	8	17	30	166	8	75	7	311

* Giới bốn: 210; Quảng luật: 207. ** Giới bốn: 373; Quảng luật: 370

B. ĐỐI CHIẾU HỌC XỨ
1. HỌC XỨ TỶ-KHEO

TP: Tứ phần, NP: Ngũ phần, TK: Tăng kỳ, TT: Thập tụng, CB: Căn bản, PL: Pāli

I. BA-LA-DI

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Bất tịnh hạnh	1	1	1	1	1	1
2. Bất dữ thủ	2	2	2	2	2	2
3. Đoạn nhân mạng	3	3	3	3	3	3
4. Đại vọng ngữ	4	4	4	4	4	4
Tổng số	4	4	4	4	4	4

III. BẤT ĐỊNH

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
Điều 1	1	1	1	1	1	1
Điều 2	2	2	2	2	2	2
Tổng số	2	2	2	2	2	2

IV. NI-TÁT-KỶ-BA-DẬY-ĐỀ

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Súc trường y	1	1	1	1	1	1
2. Ngủ lia y	2	2	2	2	2	2
3. Chờ y một tháng	3	3	3	3	3	3
4. Nhận y phi thân lý ni	4	4	4	4	5	5
5. Nhờ phi thân lý ni giặt y cũ	5	5	5	5	4	4
6. Xin y nơi nhà phi thân lý	6	6	6	6	6	6
7. Nhận y quá phần	7	7	7	7	7	7
8. Khuyến cư sĩ tăng giá y	8	8	8	8	8	8
9. Khuyến hai nhà tăng giá y	9	9	9	9	9	9
10. Yêu sách giá y quá hạn	10	10	10	10	10	10
11. Ngọa cụ bằng tơ tằm	11	21	13	11	11	11
12. Ngọa cụ toàn đen	12	22	11	12	12	12
13. Ngọa cụ quá phần	13	23	12	13	13	13
14. Ngọa cụ dưới sáu năm	14	24	14	14	14	14
15. Ngọa cụ không hoại sắc	15	25	15	15	15	15

16. Quây lông dê	16	26	16	16	16	16
17. Nhờ chải lông dê	17	27	17	17	17	17
18. Cầm giữ vàng bạc	18	30	18	18	18	18
19. Kinh doanh tài bảo	19	28	20	19	19	19
20. Buôn bán	20	29	19	20	20	20
21. Chứa bát dư	21	20	21	21	21	21
22. Đổi bát mới	22	19	22	22	22	22
23. Xin chỉ sợi	23	11	26	23	23	26
24. Chỉ dẫn thợ dệt	24	12	27	24	24	27
25. Đoạt lại y	25	13	24	25	25	25
26. Thuốc bảy ngày	26	15	23	30	30	23
27. Y tắm mưa	27	17	25	28	28	24
28. Y cấp thí	28	18	28	26*	26	28
29. A-lan-nhã gặp nạn lia y	29	16	29	27**	27	29
30. Xoay tăng vật về mình	30	14	30	29	29	30
Tổng số	30	30	30	30	30	30

* Giới bản: 26; Quảng luật: 27. ** Giới bản: 27; Quảng luật: 26

V. BA-DẬT-ĐỀ

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Cố ý vọng ngữ	1	1	1	1	1	1
2. Mãng nhiếp	2	2	2	2	2	2
3. Nói ly gián	3	3	3	3	3	3
4. Ngủ chung buồng người nữ	4	56	69	65	65	6
5. Ngủ chung buồng người chưa thọ Cụ túc	5	7	42	54	54	5

6. Đọc kinh chung	6	6	6	6	6	4
7. Nói thô tội	7	9	8	8	7	9
8. Nói pháp thượng nhân	8	8	7	7	8	8
9. Thuyết pháp quá năm lời	9	4	5	5	5	7
10. Đào phá đất	10	59	73	73	73	10
11. Phá hoại thực vật	11	11	11	11	11	11
12. Nói quanh	12	12	12	13	13	12
13. Nói xấu tăng sai	13	13	13	12	12	13
14. Trái tọa cụ tăng không cất	14	14	14	14	14	14
15. Trái ngoạ cụ trong phòng tăng	15	15	15	15	15	15
16. Chen lấn chỗ ngủ	16	17	17	17	17	16
17. Đuôi tỳ-kheo ra ngoài	17	16	16	16	16	17
18. Ghê ngồi không vững	18	18	18	18	18	18
19. Dùng nước có trùng	19	20	19	19	19	20
20. Cát nhà lớn	20	19	20	20	20	19
21. Giáo giới ni không được tăng sai	21	21	21	21	21	21
22. Giáo thọ ni sau mặt trời lặn	22	22	22	22	22	22
23. Giáo thọ ni vì lợi dưỡng	23	24	24	23	23	24
24. Cho y cho tỳ-kheo ni	24	26	28	26	24	25
25. May y cho tỳ-kheo ni	25	27	29	27	25	26
26. Ngồi với tỳ-kheo ni ở chỗ khuất	26	25	25	28	29	30
27. Hẹn đi chung đường với tỳ-kheo ni	27	28	26	24	26	27
28. Đi chung thuyền với tỳ-kheo ni	28	29	27	25	27	28

29. Thức ăn do tỳ-kheo ni khuyến hóa	29	30	30	30	30	29
30. Đi chung đường với người nữ	30	33	31	32	32	31
31. Lữ quán một bữa ăn	31	33	31	32	32	31
32. Triển chuyển thực	32	31	32	31	31	33
33. Biệt chúng thực	33	32	40	36	36	32
34. Nhận quá ba bát	34	34	38	33	33	34
35. Dư thực pháp	35	35	33	34	34	35
36. Mời người túc thực	36	36	34	35	35	36
37. Phi thời thực	37	38	36	37	37	37
38. Thức ăn cách đêm	38	39	37	38	38	38
39. Bỏ vào miệng vật không được cho	39	37	35	39	39	40
40. Yêu sách mỹ thực	40	41	39	40	40	39
41. Cho ngoại đạo ăn	41	40	52	44	44	41
42. Trước sau bữa ăn đi đến nhà khác không báo	42	82	81	81	81	46
43. Ngồi trong nhà đang có ăn	43	*	54	42	42	43
44. Ngồi với người nữ ở chỗ khuất	44	42	70	42	42	44
45. Ngồi một mình với nữ tại chỗ trống	45	44	*	29	*	45
46. Đuôi đi không cho thức ăn	46	76	44	51	51	42
47. Thuộc bốn tháng	47	62	74	74	74	47
48. Xem quân trận	48	45	55	45	45	48
49. Ngủ lại trong quân	49	46	56	46	46	49

50. Xem quân đội chiến đấu	50	47	57	47	47	50
51. Uống rượu	51	57	76	79	79	51
52. Đùa giỡn trong nước	52	55	66	64	64	53
53. Thọc cù nôn	53	54	67	63	63	52
54. Bất kính	54	58	77	78	78	54
55. Dọa nhát tỳ-kheo	55	73	65	66	66	55
56. Nửa tháng tám	56	70	50	60	60	57
57. Đốt lửa	57	68	41	52	52	56
58. Giấu vật dụng của tỳ-kheo	58	78	64	67	67	60
59. Tự tiện dùng y không hỏi chủ	59	81	63	68	68	59
60. Hoại sắc y mới	60	77	48	59	58	58
61. Đoạn sinh mạng	61	51	61	61	61	61
62. Uống nước có trùng	62	20	51	41	41	62
63. Cổ gieo nghi hồi	63	52	62	62	62	77
64. Che giấu thô tội	64	74	50	50	50	64
65. Truyền cụ túc người chưa đủ tuổi 20	65	61	71	72	72	65
66. Khơi lại tránh sự	66	5	4	4	4	63
67. Đi chung với cướp	67	66	72	71	71	66
68. Kiên trì ác kiến	68	48	45	55	55	68
69. Hỗ trợ tỳ-kheo bị xà trị	69	49	46	56	56	69
70. Bao che sa-di bị đuổi	70	50	47	57	57	70
71. Không chịu học giới	71	63	75	75	75	71

72. Kinh chế học giới	72	10	10	10	10	72
73. Vô tri học giới	73	64	92	83	83	73
74. Phủ nhận yết ma	74	80	9	9	9	81
75. Không dữ dục	75	53	79	77	77	80
76. Dữ dục rồi hối	76	79	43	53	53	79
77. Nghe lén đầu tranh	77	60	78	76	76	78
78. Sân đánh tỷ-kheo	78	71	58	48	48	74
79. Nhá đánh tỷ-kheo	79	72	59	49	49	75
80. Vu không tăng tàn	80	75	90	69	69	76
81. Thâm nhập vương cung	81	65	82	82	82	83
82. Cầm nắm bảo vật	82	69	49	58	58	84
83. Phi thời vào xóm	83	83	80	80	80	85
84. Giường cao quá lượng	84	85	85	85	85	87
85. Đệm bông	85	84	86	86	86	88
86. Ống đựng kim	86	86	83	84	84	86
87. Ni-sư-đần quá lượng	87	87	86	89	87	89
88. Phú sang y	88	88	87	88	88	90
89. Áo tắm mưa	89	89	88	87	89	91
90. Lượng y Như Lai	90	90	89	90	90	92
Tổng số	90	91	92	90	90	92

VI. DIỆT TRÁNH

.....	TP	NP	TK	TT	CB	PL
1. Hiện tiền	1	1	1	1	1	1
2. Ưc niệm	2	2	2	2	2	2
3. Bất si	3	3	3	3	3	3
4. Tự ngôn trị	4	5	4	4	6	4
5. Mịch tội tướng	5	4	5	5	4	6
6. Đa nhân ngữ	6	6	6	6	5	5
7. Như thảo phủ địa	7	7	7	7	7	7

